



Tổng công ty Bảo đảm an toàn
hàng hải miền Nam
office@vms-south.vn
25-05-2021 11:17:24 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 139 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 5 năm 2021

C.V.ĐẾN
Số: 515
Ngày: 25/5/2021
Giáo:

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu các đoạn cạn luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải

VTU - 26 - 2021

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải.

Đoạn luồng: Các đoạn cạn luồng hàng hải Vũng Tàu-Thị Vải.

Căn cứ Bình đồ độ sâu ký hiệu ĐC_VTTV_2105_01 đến ĐC_VTTV_2105_17, tỷ lệ 1/2.000 đo đạc hoàn thành tháng 5 năm 2021, các số liệu liên quan do Xi nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ" như sau:

1. Đoạn luồng từ phao BHHH số "0" đến hạ lưu bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép có chiều dài 30,56 km, chiều rộng luồng 310 m như sau:

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số "1" - 230 m đến phao BHHH số "1" + 110 m, chiều dài khoảng 340 m, lần luồng xa nhất 25 m, độ sâu đoạn luồng đạt 13,4 m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện các điểm độ sâu 13,9 m; 13,8 m; 13,6 m; tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
13,9	10°17'59,9" N	107°04'21,7" E	10°17'56,3" N	107°04'28,1" E
13,8	10°17'59,8" N	107°04'21,4" E	10°17'56,1" N	107°04'27,8" E
13,9	10°18'23,2" N	107°04'06,0" E	10°18'19,5" N	107°04'12,4" E
13,6	10°18'23,1" N	107°04'05,7" E	10°18'19,4" N	107°04'12,2" E
13,8	10°18'22,9" N	107°04'05,5" E	10°17'19,2" N	107°04'11,9" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số "5" - 670 m đến phao BHHH số "5" + 1010m, chiều dài khoảng 1680 m, lần luồng xa nhất 220 m, độ sâu ở tim luồng đạt 13,9 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 11,1 m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện các điểm độ sâu 13,9 m; 13,8 m; 13,7 m; tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
13,8	10°19'37,9" N	107°03'08,7" E	10°19'34,3" N	107°03'15,2" E
13,8	10°19'51,3" N	107°03'02,7" E	10°19'47,7" N	107°03'09,2" E

13,7	10 ⁰ 19'51,2"N	107 ⁰ 03'02,4"E	10 ⁰ 19'47,6"N	107 ⁰ 03'08,8"E
13,9	10 ⁰ 20'08,0"N	107 ⁰ 03'02,7"E	10 ⁰ 20'04,4"N	107 ⁰ 03'09,1"E
13,9	10 ⁰ 20'13,8"N	107 ⁰ 02'58,9"E	10 ⁰ 20'10,2"N	107 ⁰ 03'05,3"E

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "14" – 1280 m đến phao BHHH số "14" – 80 m, chiều dài khoảng 1,2 km, lần luồng xa nhất 40 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,4 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "14" + 220 m đến phao BHHH số "14" + 2070 m, chiều dài khoảng 1,85 km, lần luồng xa nhất 33 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,6 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số "15" – 1060 m đến phao BHHH số "15" – 510 m, chiều dài khoảng 550 m, lần luồng xa nhất 58 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,5 m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số "15" – 115 m đến phao BHHH số "19" + 180 m, chiều dài khoảng 3,8 km, lần luồng xa nhất 140 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,9 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "16" – 450 m đến phao BHHH số "16" + 1300 m, chiều dài khoảng 1,75 km, lần luồng xa nhất 90 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,2m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "26" – 44 m đến hạ lưu bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép, chiều dài khoảng 320 m, lần luồng xa nhất 54 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,8 m nằm sát biên luồng.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 14,0 m trở lên.

2. Đoạn luồng từ hạ lưu bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép đến thượng lưu bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) có chiều dài 7,5 km, chiều rộng luồng 310 m (nhỏ nhất 260 m) như sau:

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "34" – 530 m đến phao BHHH số "34" - 370 m, chiều dài khoảng 160 m, lần luồng xa nhất 30 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 11,7 m.

- Xuất hiện các điểm độ sâu 11,9 m; 11,7 m; tại các vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
11,9	10 ⁰ 33'30,2"N	107 ⁰ 00'36,5"E	10 ⁰ 33'26,5"N	107 ⁰ 00'42,9"E
11,7	10 ⁰ 33'30,3"N	107 ⁰ 00'36,2"E	10 ⁰ 33'26,6"N	107 ⁰ 00'42,6"E
11,9	10 ⁰ 33'30,3"N	107 ⁰ 00'35,8"E	10 ⁰ 33'26,6"N	107 ⁰ 00'42,3"E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số "35" + 420 m đến phao BHHH số "37" + 160 m, chiều dài khoảng 925 m, lần luồng xa nhất 60 m, độ sâu ở tim luồng đạt 12,7 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,3 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "42" + 200 m đến phao BHHH số "44", chiều dài khoảng 410 m, lần luồng xa nhất 80 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 6,7 m nằm sát biên luồng.

500'
T.C
IGT
DÀN
MIỀN
AUT.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0 m trở lên.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành hải trên luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu để có biện pháp hàng hải an toàn. Lưu ý các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ hàng hải Vũng Tàu để đảm bảo an toàn hàng hải./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty ĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P. ATHH_(Đat).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

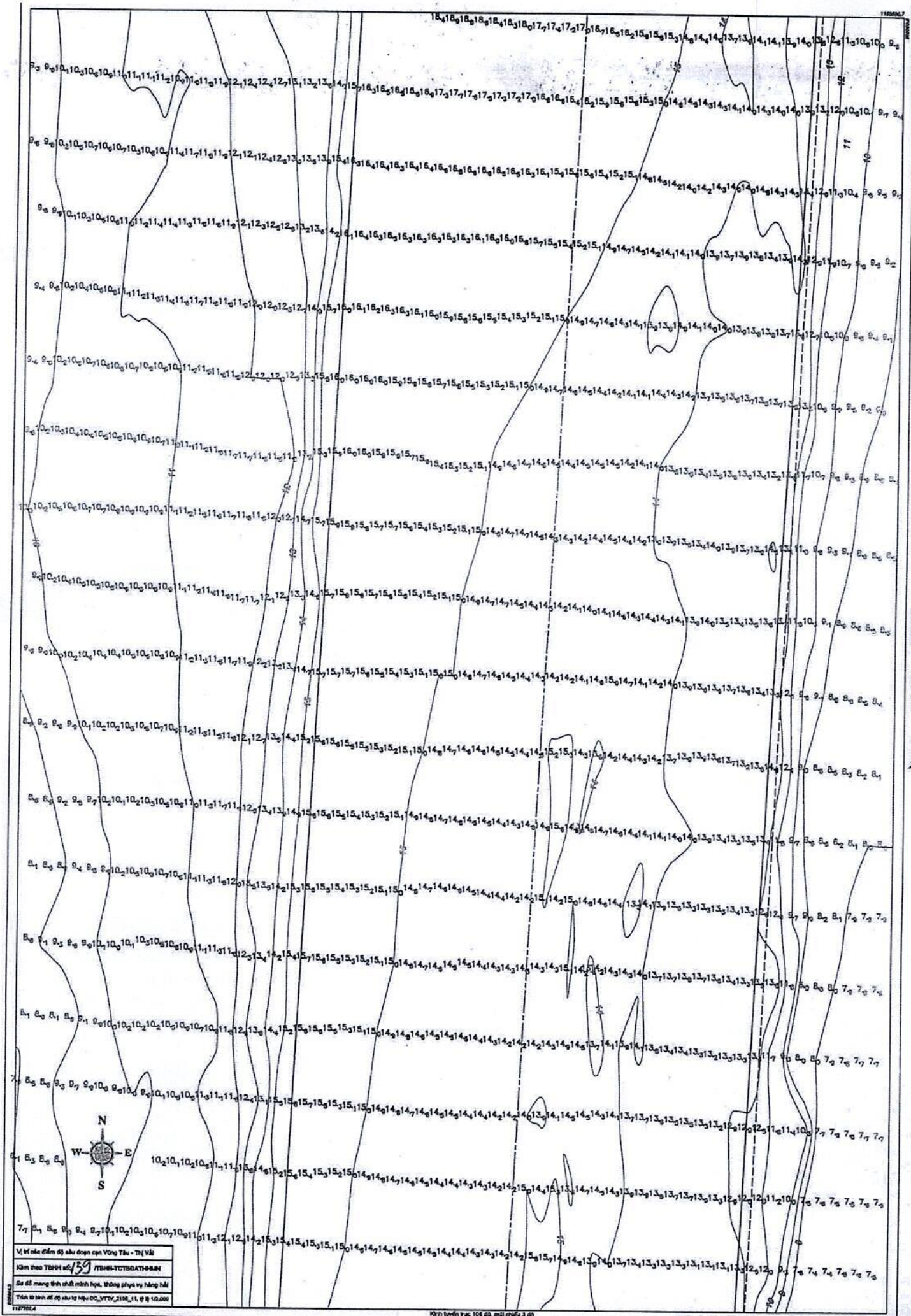


Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- | | |
|--|---|
| 1 Bộ Tư lệnh Hải quân | 12 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn) |
| 2 Bộ Tư lệnh Cảng sát Biển | 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip) |
| 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO) |
| 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam | 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP |
| 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 16 CNI – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam |
| - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP) | 17 Trường Đại học GTVT TP.HCM |
| - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 18 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM |
| - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP) | 19 Cty CP Cảng Sài Gòn |
| - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans) | 20 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh |
| - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping) | 21 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh |
| - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam | 22 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng |
| 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) | 23 Bộ đội Biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| 7 Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO | 24 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu |
| 8 Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex | 25 Phòng CSGT đường thủy tỉnh BR-VT |
| 9 Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) | 26 Sở GTVT & Sở NN&PTNN tỉnh BR-VT |
| - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO) | 27 Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu |
| - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container) | 28 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam |
| - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) | 29 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ |
| - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE) | 30 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV IX |
| - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế | 31 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV I |
| - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang | 32 Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng |
| - Cty Vận tải Biển Bắc | |
| 10 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển | |
| 11 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) | |

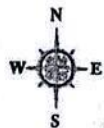
273
NG
BẮC
HẢI
VÀI
AP



ĐỒ MẪU
HÀNG

Vị trí các điểm độ sâu đo đạc vùng biển - Th. Hải
Kính thước 1:50 000 (1:50 000)
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Tài liệu để vẽ bản đồ vùng biển - Th. Hải

SÔNG THỊ VÀI



Vị trí các điểm đo của Đoàn cán Vùng Tàu - Thị Vải
 Kèm theo TĐNH số 139/ĐHN-TC TĐNH
 Sơ đồ mạng lưới chất lượng nước, không phục vụ hàng hải
 Trình trạng đồ số của bộ hồ sơ VTTV, 2103, 15, 0/8 10/000
 10/7/2014

